

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày 30 tháng 7 năm 2020
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Sơ và ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị DuY – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 06 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 11/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T. Sinh năm: 1981 và vợ là Chị Nguyễn Thị H. Sinh năm: 1985. Cùng có ĐKNKTT: Bản C, Y, xã Y, S, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Tạm trú: Bản Chi II, xã C, L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Tòng Văn X. Và vợ là Quàng Thị Y. Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Bản Ý Lường, xã C, L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Ngày 15/03/ 2016, anh có ký hợp đồng đầu tư cám Cò để chăn nuôi lợn cho gia đình ông Tòng Văn X cư trú tại bản Ý Lường, xã C, L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Anh đã đầu tư cám cho ông X chăm nuôi lợn tổng số là 26 bao cám viên thành tiền là tiền là 38.887.000đ ông X đã trả anh trong hai đợt, mỗi đợt là 8.600.000đ. Số tiền còn nợ lại là 10.287.000đ. Mỗi lần anh giao cám thì đều có chữ ký nhận nợ của ông X. Đến ngày 20/11/20016 thì ông X đã dùng lấy cám của anh T và từ đó tới nay ông X cũng không trả gia đình anh T nốt số tiền còn lại. Vợ chồng anh đã đến nhiều lần nhưng ông X cứ khất lần, đến nay gia đình ông X nợ gia đình anh cũng đã mấy năm anh không thể chờ đợi được nữa vì số tiền đầu tư là anh T vay của ngân hàng để làm ăn. Vì vậy, anh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn giải quyết theo hướng buộc gia đình ông Tòng Văn X, cùng vợ là Quàng Thị Y phải trả cho gia đình anh T số tiền nợ lại là 10.287.000đ và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 01/7/2020, bị đơn ông Tòng Văn X trình bày như sau:

Ông Tòng Văn X xác nhận gia đình ông có lấy cám của anh T để chăn nuôi, nhưng do dịch bệnh lợn chết, gia đình ông lâm vào cảnh khó khăn, ông cũng xác nhận là còn nợ lại anh T 10.287.000đ và gia đình ông cũng sẽ cố gắng thu xếp trả số tiền này cho gia đình anh T. Nhưng nay gia đình ông X cũng khó khăn. Bản thân ông đang bị bệnh ốm đau thường xuyên đi viện, nên ông cũng mong anh T giãn nợ cho gia đình ông một thời gian nữa và gia đình ông cố gắng thu sếp để trả cho anh T và mong anh T không tính lãi xuất cho gia đình ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập các đương sự để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông X, bà Y có nhận thông báo, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng

xét xử: Áp dụng các Điều 430, 433, 434, 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 428, 438 Bộ luật dân sự 2005; Điều 147, khoản 1 Điều 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H đối với vợ chồng ông Tòng Văn X và bà Quàng Thị Y.

Công nhận hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi được giao kết từ năm 2016 giữa bên bán là anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H và bên mua là Tòng Văn X và bà Quàng Thị Y.

Buộc gia đình ông Tòng Văn X và bà Quàng Thị Y trả cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H số tiền mua thức ăn chăn nuôi chưa T toán 10.287.000đ.

Ông X và bà Y phải chịu án phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu ông Tòng Văn X cư trú tại bản Ý Lường, xã C, L số tiền là 10.278.000đ số tiền từ lấy cám cò để chăn nuôi. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1, Điều 35 bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là có căn cứ đúng với quy định của pháp luật.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Tòng Văn X và bà Quàng Thị Y. Tuy nhiên ông X, bà Y vắng mặt không có lý do. Anh T và chị H cũng có yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp quyết định xét xử và giấy triệu tập cho ông X, bà Y nhưng ông bà có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên căn cứ vào **khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.**

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải T toán số tiền cám còn nợ lại 10.287.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngoài lời khai của nguyên đơn, nguyên đơn còn cung cấp cho Tòa án sao trích sổ nhận cám có chữ ký của ông X. Toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được Tòa án tiến hành thông báo hợp lệ đối với bị đơn, bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện. Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2020, bị đơn đã xác nhận có nợ số tiền 10.287.000đ là tiền gốc và lãi chưa trả do lấy thức ăn chăn nuôi và xác nhận sẽ có trách nhiệm trả nợ cho anh T, chị H trong thời gian sớm nhất.

Do vậy, HĐXX nhận thấy có đủ căn cứ xác định giữa anh T, chị H và vợ chồng ông ông X, bà Y có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh T, chị H đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao tài sản, ông X, bà Y đã nhận đủ hàng nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự nên việc khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của X, bà Y đề nghị được trả dần cho anh T và cố gắng thu xếp để trả đủ cho anh T, chị H trong thời gian sớm nhất do hoàn cảnh khó khăn. HĐXX xét thấy: Tại phiên tòa, anh T, chị H không chấp nhận ý kiến trên, đề nghị X và bà Y trả đủ tiền cám và trả một lần. Do các bên không có thỏa thuận về hình thức T toán trong hợp đồng mua bán cám cò. Nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả tiền thì bên mua là ông X, bà Y phải T toán đủ tiền hàng vào thời điểm nhận hàng. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét chấp nhận ý kiến của ông X, bà Y. Buộc ông X, bà Y phải trả cho anh T, chị H số tiền cám còn nợ lại là 10.287.000đ.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: bị đơn có ý kiến đề nghị nguyên đơn giảm lãi suất. Nguyên đơn tại phiên tòa đồng ý với ý kiến của bị đơn, rút yêu cầu tính lãi suất của số tiền cám chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm. HĐXX xét thấy, ý kiến của các bên là thống nhất. Không vi phạm quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 430, 433, 434, 440, Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 668 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 428, 438 Bộ luật dân sự 2005;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H đối với vợ chồng ông Tòng Văn X và bà Quàng Thị Y.

Công nhận hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi được giao kết từ năm 2016 giữa bên bán là anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H và bên mua là ông Tòng Văn X và bà Quàng Thị Y.

Buộc vợ chồng ông Tòng Văn X và bà Quàng Thị Y trả cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H số tiền mua thức ăn chăn nuôi chưa T toán là 10.287.000đ (mười triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

2. Về án phí:

Ông Tòng Văn X và bà Quàng Thị Y phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **514.350đ (năm trăm mười bốn nghìn ba trăm năm mươi đồng)**.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002205 ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn trả nợ cho đến khi thi hành án xong, ông Tòng Văn X và bà Quàng Thị Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (10%/năm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Nga